

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

-----***-----



THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY NĂM 2025

*(Ban hành theo Quyết định số 1646/QĐ-ĐHNT ngày 08 tháng 05 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương)*

Hà Nội – Tháng 05/2025

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	1
1. Tên cơ sở đào tạo:.....	1
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:	1
3. Địa chỉ các trụ sở của Trường Đại học Ngoại thương	1
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường Đại học Ngoại thương.....	1
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường Đại học Ngoại thương.....	1
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:	1
7. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Ngoại thương	1
8. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo	2
II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY	2
1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển	2
2. Mô tả phương thức tuyển sinh.....	2
2.1. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT khi đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường.....	2
2.2. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	2
2.3. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả/chứng chỉ đánh giá năng lực trong nước và quốc tế.....	2
2.4. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định	3
3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh	3
4. Chỉ tiêu tuyển sinh.....	3
5. Các thông tin khác.....	3
5.1. Tiêu chí phụ sử dụng trong xét tuyển.....	3
5.2. Điểm cộng:	3
5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo	4
6. Tổ chức tuyển sinh	4

6.1. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT khi đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường.....	4
6.1.1. Các nhóm đối tượng xét tuyển bằng kết quả học tập THPT (xét tuyển bằng kết quả học tập THPT 3 môn theo các tổ hợp xét tuyển của nhà trường)	4
6.1.2. Nhóm đối tượng xét tuyển kết hợp giữa kết quả học tập THPT và chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.....	8
6.2. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	13
6.2.1. Nhóm đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Kết quả thi tốt nghiệp THPT của ba môn trong tổ hợp môn xét tuyển của Nhà trường)	13
6.2.2. Nhóm đối tượng xét tuyển kết hợp giữa kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế	15
6.3. Phương thức xét tuyển sử dụng chứng chỉ đánh giá năng lực trong nước và quốc tế.....	18
6.3.1. Nhóm đối tượng xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực trong nước	18
6.3.2. Nhóm đối tượng xét tuyển sử dụng chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế kết hợp với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.....	20
6.4. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định	23
6.4.1. Đối tượng áp dụng:.....	23
6.4.2. Thời gian nộp hồ sơ tuyển thẳng và công bố kết quả:	25
6.4.3. Các chương trình áp dụng:	25
6.4.4. Quy trình đăng ký hồ sơ xét tuyển:	25
6.4.5. Nguyên tắc xét tuyển.....	25
6.4.6. Hồ sơ đăng ký xét tuyển	25
7. Chính sách ưu tiên:	26
8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển:	26
9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh	26
10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy	26
11. Các nội dung khác	27

12. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất	30
12.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất	30
12.2. Điểm trúng tuyển của 02 năm gần nhất	31
PHỤ LỤC.....	44
Phụ lục 1. Quy trình đăng ký xét tuyển năm 2025	44
Phụ lục 2: Chỉ tiêu tuyển sinh Trường Đại học Ngoại thương năm 2025 ...	48
Phụ lục 3: Bảng quy đổi các chứng chỉ quốc tế dành cho các phương thức xét tuyển riêng của Trường	71
Phụ lục 4: Cách tính điểm ưu tiên	73
Phụ lục 5: Ngưỡng điều kiện đối với thí sinh xét tuyển sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế	75

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY NĂM 2025

*(Ban hành theo Quyết định số 1646/QĐ-ĐHNT ngày 08 tháng 05 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

- Tên Tiếng Việt: Trường Đại học Ngoại thương
- Tên Tiếng Anh: FOREIGN TRADE UNIVERSITY

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:

- NTH (Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở phía Bắc);
- NTS (Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở II - TP. Hồ Chí Minh).

3. Địa chỉ các trụ sở của Trường Đại học Ngoại thương (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)

- Trụ sở chính: Số 91, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội;
- Cơ sở II - TP Hồ Chí Minh: Số 15, Đường D5, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ sở Quảng Ninh: Số 260, Đường Bạch Đằng, Phường Nam Khê, TP. Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường Đại học Ngoại thương

Website: <http://www.ftu.edu.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường Đại học Ngoại thương (có thông tin tuyển sinh):

<https://www.facebook.com/TuyensinhFTU>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

- Trụ sở chính: 0352.530.798 hoặc 0352.285.564
- Cơ sở II -TP Hồ Chí Minh: 0283.512.7257
- Cơ sở Quảng Ninh: 020.3385.0413

7. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Ngoại thương

Đường link công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh trên trang thông tin

điện tử của CSĐT: <http://ftu.edu.vn/>

8. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo¹ (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...)

Đường link công khai các thông tin về hoạt động, điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://ftu.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Tất cả thí sinh tính tới thời điểm xác định trúng tuyển đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) bao gồm các thí sinh đã tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và nước ngoài đáp ứng các điều kiện trong Thông tin tuyển sinh năm 2025 của trường;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;

- Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh²

Trường tuyển sinh theo 04 phương thức tuyển sinh.

2.1. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT khi đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường

Xét tuyển căn cứ trên các điều kiện xét tuyển về kết quả học tập THPT hoặc kết hợp kết quả học tập THPT với các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế cho từng nhóm đối tượng tuyển sinh, nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu của từng chương trình và điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển theo quy định cụ thể của trường.

2.2. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Xét tuyển căn cứ trên các điều kiện xét tuyển về kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 hoặc kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế của thí sinh, nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu của từng chương trình và điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển theo quy định cụ thể của trường.

2.3. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả/chứng chỉ đánh giá năng lực trong nước và quốc tế

Đánh giá năng lực trong nước: Xét tuyển căn cứ trên kết quả của các kỳ thi ĐGNL do ĐHQG Hà Nội và ĐHQG TP.HCM tổ chức trong năm 2025, nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu của từng chương trình và điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển theo quy định cụ thể

¹ Theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công khai các thông tin về Hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

² Phân biệt trình độ đại học và cao đẳng.

của trường.

Đánh giá năng lực quốc tế: Xét tuyển căn cứ trên các chứng chỉ năng lực quốc tế SAT/ACT/A-Level kết hợp với chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế, nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu của từng chương trình và điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển theo quy định cụ thể của trường.

2.4. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định

Xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào: Trường công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào quy đổi theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dự kiến, ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đối với các nhóm đối tượng thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 hoặc kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sẽ được công bố ngay sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

- Quy đổi ngưỡng điểm trúng tuyển: Trường công bố ngưỡng điểm trúng tuyển quy đổi giữa các phương thức xét tuyển/nhóm đối tượng xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dự kiến, ngưỡng điểm trúng tuyển quy đổi giữa các phương thức xét tuyển/ nhóm đối tượng xét tuyển sẽ được công bố sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Mã trường: *NTH (Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở phía Bắc);*

NTS (Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở II-TP. Hồ Chí Minh)

Chỉ tiêu theo Ngành và Chương trình đào tạo xem chi tiết tại Phụ lục 2 của Thông báo.

5. Các thông tin khác

5.1. Tiêu chí phụ sử dụng trong xét tuyển

- Trường hợp tại ngưỡng điểm đánh giá hồ sơ xác định trúng tuyển của từng chương trình đào tạo, số thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu xét tuyển còn lại, Trường sử dụng tiêu chí phụ là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Toán và thứ tự nguyện vọng đăng ký của thí sinh tham gia xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Điểm cộng:

Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Điểm cộng được tính theo thứ tự như sau:

1. Cộng điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia (nếu có);

2. Cộng điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng (nếu có) sau khi đã cộng điểm ưu tiên ở mục 1.

3. Tổng điểm xét tuyển của thí sinh (tính cả các loại điểm ưu tiên, điểm ưu tiên khu vực, đối tượng) không vượt quá mức điểm tối đa của thang điểm xét.

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

Năm 2025, Nhà trường xét tuyển theo mã xét tuyển tương ứng với từng ngành/chương trình đào tạo. Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tiếp theo từng mã xét tuyển ứng với từng ngành/chương trình đào tạo và trúng tuyển vào ngành/chương trình đào tạo theo điểm trúng tuyển quy đổi và thứ tự nguyện vọng đăng ký.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT khi đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường

6.1.1. Các nhóm đối tượng xét tuyển bằng kết quả học tập THPT (xét tuyển bằng kết quả học tập THPT 3 môn theo các tổ hợp xét tuyển của nhà trường)

6.1.1.1. Điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển:

a, Đối với nhóm đối tượng thí sinh là học sinh tham gia/đạt giải trong Kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia hoặc Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của trường (bao gồm các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật):

- Tốt nghiệp THPT năm 2025;

- Tham gia/đạt giải trong Kỳ thi Học sinh giỏi cấp Quốc gia các môn trong tổ hợp môn xét tuyển của trường hoặc trong cuộc thi KHKT cấp Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức mà nội dung đề tài được Hội đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp với môn thuộc tổ hợp xét tuyển của trường (bao gồm các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật);

- Kết quả học tập và rèn luyện 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Khá trở lên.

b, Nhóm đối tượng thí sinh là học sinh hệ chuyên các môn Toán, Toán-Tin, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật của trường THPT trọng điểm Quốc gia/THPT chuyên (theo Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên và Thông tư 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều trong Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên):

- Tốt nghiệp THPT năm 2025;

- Có điểm trung bình chung học tập 06 học kỳ bậc THPT của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển của trường (trong đó có môn Toán) đạt từ 9,0 điểm trở lên (tính trung bình

chung của cả 3 môn, làm tròn đến một chữ số thập phân);

- Có tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của ít nhất một trong các tổ hợp môn xét tuyển của trường (bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và đối tượng) đạt từ 24,0 điểm trở lên (ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng của trường có thể điều chỉnh trên cơ sở phổ điểm thi tốt nghiệp THPT thực tế năm 2025);

Đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật) theo quy định, Trường cho phép thí sinh sử dụng kết quả quy đổi điểm chứng chỉ thay thế cho điểm thi môn ngoại ngữ tương ứng để xét điều kiện tổng điểm thi tốt nghiệp theo tổ hợp môn của trường đạt từ 24,0 điểm trở lên. Thí sinh vẫn có thể đăng ký thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ, Nhà trường sẽ lựa chọn điểm ngoại ngữ quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngoại ngữ của thí sinh ứng với mức điểm cao nhất, đảm bảo quyền lợi tối đa cho thí sinh (*Bảng quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại Phụ lục 3 của Thông báo*).

- Kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Tốt;

- Kết quả rèn luyện 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Khá trở lên.

c, Nhóm đối tượng thí sinh là học sinh hệ không chuyên đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố lớp 11 hoặc lớp 12 (bao gồm các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật):

- Tốt nghiệp THPT năm 2025;

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố lớp 11 hoặc lớp 12 (bao gồm cả thí sinh thi vượt cấp) một trong các môn riêng biệt thuộc tổ hợp môn xét tuyển của trường (bao gồm các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật). Nhà trường không chấp nhận giải học sinh giỏi ngoại ngữ bằng hình thức quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế;

- Có điểm trung bình chung học tập 06 học kỳ bậc THPT của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển của trường (trong đó có môn Toán) đạt từ 9,0 điểm trở lên (tính trung bình chung của cả 3 môn, làm tròn đến một chữ số thập phân);

- Có tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của ít nhất một trong các tổ hợp môn xét tuyển của trường (bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và đối tượng) đạt từ 24,0 điểm trở lên (ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng của trường có thể điều chỉnh trên cơ sở phổ điểm thi tốt nghiệp THPT thực tế năm 2025);

Đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật) theo quy định, Trường cho phép thí sinh sử dụng kết quả quy đổi điểm chứng chỉ thay thế cho điểm thi môn ngoại ngữ tương ứng để xét điều kiện tổng điểm thi tốt nghiệp theo tổ hợp môn của trường đạt từ 24,0 điểm trở lên. Thí sinh vẫn có

thể đăng ký thi tốt nghiệp môn Ngoại ngữ, Nhà trường sẽ lựa chọn điểm ngoại ngữ quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngoại ngữ của thí sinh ứng với mức điểm cao nhất, đảm bảo quyền lợi tối đa cho thí sinh (*Bảng quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại Phụ lục 3 của Thông báo*).

- Kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Tốt;
- Kết quả rèn luyện 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Khá trở lên.

6.1.1.2. Thời gian đăng ký và công bố kết quả

Thời gian đăng ký: Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển theo 2 bước

Bước 1: Dự kiến từ ngày 09/06/2025 đến 17h00 ngày 22/06/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường;

Bước 2: Dự kiến từ 16/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lưu ý: Thí sinh phải thực hiện đầy đủ 2 bước theo yêu cầu của Trường.

Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dự kiến ngày 22/08/2025).

6.1.1.3. Các chương trình áp dụng: Các chương trình tiêu chuẩn và ĐHNN&PTQT (*Xem chi tiết tại Phụ lục 2 của Thông báo*).

6.1.1.4. Quy trình đăng ký hồ sơ xét tuyển: *Xem chi tiết tại Phụ lục 1 của Thông báo*

6.1.1.5. Các tiêu chí đánh giá hồ sơ xét tuyển:

Căn cứ đánh giá hồ sơ: Xác định hồ sơ đủ điều kiện dựa trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

- Đối với các chương trình tiêu chuẩn và ĐHNN&PTQT (trừ chương trình Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh và các chương trình Ngôn ngữ thương mại):

Công thức tính điểm xét tuyển = M1 + M2 + M3 + Điểm ưu tiên giải (chỉ dành cho nhóm đối tượng thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)

Trong đó:

- M1, M2, M3: là điểm trung bình chung kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT của ba môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển của Trường.

- Đối với Chương trình Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh (Môn Toán nhân hệ số 2)

Công thức tính điểm xét tuyển = M1*2 + M2 + M3 + [Điểm ưu tiên giải (chỉ dành cho nhóm đối tượng thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)]*4/3

Trong đó:

- M1 là điểm trung bình chung kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT của môn Toán;
- M2, M3: là điểm trung bình chung kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT của hai môn: Hóa học + Vật Lý hoặc Hóa học + Tiếng Anh hoặc Vật lý + Tiếng Anh hoặc Ngữ văn + Tiếng Anh

- Đối với các chương trình tiêu chuẩn Ngôn ngữ thương mại (Môn ngoại ngữ nhân hệ số 2):

Công thức tính điểm xét tuyển = $M1 + M2 + M3 \times 2 + [\text{Điểm ưu tiên giải (chỉ dành cho nhóm đối tượng thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia)} + \text{Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}] \times 4/3$

Trong đó:

- M1, M2: là điểm trung bình chung kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT của môn Toán và môn Ngữ văn;
- M3: là điểm trung bình chung kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật hoặc Tiếng Trung).

Lưu ý chung:

+ Đối với các nhóm đối tượng tuyển sinh: *thí sinh là học sinh tham gia/đạt giải HSG cấp Quốc gia/ KHKT cấp Quốc gia* hoặc *thí sinh là học sinh không chuyên đạt giải HSG cấp Tỉnh/Thành phố*: trong tổ hợp 03 môn xét tuyển phải có môn thí sinh tham gia thi/đạt giải;

+ Thí sinh chỉ sử dụng môn ngoại ngữ chính (môn bắt buộc hoặc môn chuyên) để xét tuyển. Môn ngoại ngữ thứ hai (môn tự chọn hoặc không chuyên) không được dùng để xét tuyển theo các tổ hợp của Trường.

6.1.1.6. Điểm ưu tiên:

a, Các mức điểm ưu tiên

- Điểm ưu tiên giải:

Đối với nhóm đối tượng tuyển sinh: *thí sinh là học sinh tham gia/đạt giải HSG cấp Quốc gia/KHKT cấp Quốc gia* : Các thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia các môn (Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp Quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất	cộng 3 (ba) điểm
Giải Nhì	cộng 2 (hai) điểm
Giải Ba	cộng 1,5 (một phẩy năm) điểm

Giải Khuyến khích	cộng 1 (một) điểm
-------------------	-------------------

Lưu ý: Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng chính sách: theo Quy chế tuyển sinh năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b, Cách tính điểm ưu tiên : Xem chi tiết tại Phụ lục 4 của Thông báo.

6.1.1.7. Cách thức đánh giá hồ sơ

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất) trên Cổng thông tin tuyển sinh của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng đăng ký;

- Đối với thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển ở nhiều nhóm đối tượng xét tuyển: Khi đăng ký vào một chương trình/ngành sẽ được xét đồng thời các nhóm đối tượng xét tuyển để đảm bảo cơ hội trúng tuyển cao nhất;

- Các thí sinh sau khi trúng tuyển vào các chương trình tiêu chuẩn có nguyện vọng tham gia các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT sẽ đăng ký xét tuyển theo thông báo tuyển sinh các chương trình của Trường.

6.1.2. Nhóm đối tượng xét tuyển kết hợp giữa kết quả học tập THPT và chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

6.1.2.1. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký:

a, Đối với nhóm đối tượng thí sinh là học sinh tham gia/đạt giải trong Kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia hoặc Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của trường (bao gồm các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật):

- Tốt nghiệp THPT năm 2025;

- Tham gia/đạt giải trong Kỳ thi Học sinh giỏi cấp Quốc gia các môn trong tổ hợp môn xét tuyển của trường hoặc trong cuộc thi KHKT cấp Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức mà nội dung đề tài được Hội đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp với môn thuộc tổ hợp xét tuyển của trường (bao gồm các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật);

- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời hạn, tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển theo quy định của Nhà trường (*Ngưỡng điều kiện về chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại Phụ lục 5 của Thông báo*);

- Kết quả học tập và rèn luyện 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Khá trở lên.

b, Nhóm đối tượng thí sinh là học sinh hệ chuyên các môn Toán, Toán-Tin, Tin

học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật của trường THPT trọng điểm Quốc gia/THPT chuyên (theo Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên và Thông tư 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều trong Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên):

- Tốt nghiệp THPT năm 2025;

- Có điểm trung bình chung học tập của 06 học kỳ bậc THPT của hai môn thuộc tổ hợp xét tuyển của trường như sau:

- + Đối với các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT giảng dạy bằng tiếng Anh: điểm trung bình chung học tập 06 học kỳ bậc THPT của hai môn Toán + Vật lý hoặc Toán + Hoá học hoặc Toán + Ngữ văn đạt từ 8,5 điểm trở lên;

- + Đối với các chương trình CLC Ngôn ngữ thương mại: điểm trung bình chung học tập 06 học kỳ bậc THPT của hai môn Toán + Ngữ văn đạt từ 8,0 điểm trở lên;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời hạn, tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển theo quy định của Nhà trường (*Ngưỡng điều kiện về chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại Phụ lục 5 của Thông báo*);

- Có tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của ít nhất một trong các tổ hợp môn xét tuyển của trường (bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và đối tượng) đạt từ 24,0 điểm trở lên (ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng của trường có thể điều chỉnh trên cơ sở phổ điểm thi tốt nghiệp THPT thực tế năm 2025)

Đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật) theo quy định, Trường cho phép thí sinh sử dụng kết quả quy đổi điểm chứng chỉ thay thế cho điểm thi môn ngoại ngữ tương ứng để xét điều kiện tổng điểm thi tốt nghiệp theo tổ hợp môn của trường đạt từ 24,0 điểm trở lên. Thí sinh vẫn có thể đăng ký thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ, Nhà trường sẽ lựa chọn điểm ngoại ngữ quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngoại ngữ của thí sinh ứng với mức điểm cao nhất, đảm bảo quyền lợi tối đa cho thí sinh (*Bảng quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại Phụ lục 3 của Thông báo*);

- Kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Tốt;

- Kết quả rèn luyện 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Khá trở lên.

c, Nhóm đối tượng thí sinh là học sinh hệ không chuyên đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố lớp 11 hoặc lớp 12 (bao gồm các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật)

- Tốt nghiệp THPT năm 2025;

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố lớp 11 hoặc

lớp 12 (bao gồm cả thí sinh thi vượt cấp) một trong các môn riêng biệt thuộc tổ hợp môn xét tuyển của trường (bao gồm các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật);

- Có điểm trung bình chung học tập của 06 học kỳ bậc THPT của hai môn thuộc tổ hợp xét tuyển của trường như sau:

+ Đối với các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT giảng dạy bằng tiếng Anh: điểm trung bình chung học tập 06 học kỳ bậc THPT của hai môn Toán + Vật lý hoặc Toán + Hoá học hoặc Toán + Ngữ văn đạt từ 8,5 điểm trở lên;

+ Đối với các chương trình chất lượng cao Ngôn ngữ thương mại: điểm trung bình chung học tập 06 học kỳ bậc THPT của hai môn Toán + Ngữ văn đạt từ 8,0 điểm trở lên;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời hạn, tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển theo quy định của Nhà trường (*Ngưỡng điều kiện về chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại Phụ lục 5 của Thông báo*);

- Có tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của ít nhất một trong các tổ hợp môn xét tuyển của trường (bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và đối tượng) đạt từ 24,0 điểm trở lên (ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng của trường có thể điều chỉnh trên cơ sở phổ điểm thi tốt nghiệp THPT thực tế năm 2025)

Đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật) theo quy định, Trường cho phép thí sinh sử dụng kết quả quy đổi điểm chứng chỉ thay thế cho điểm thi môn ngoại ngữ tương ứng để xét điều kiện tổng điểm thi tốt nghiệp theo tổ hợp môn của trường đạt từ 24,0 điểm trở lên. Thí sinh vẫn có thể đăng ký thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ, Nhà trường sẽ lựa chọn điểm ngoại ngữ quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngoại ngữ của thí sinh ứng với mức điểm cao nhất, đảm bảo quyền lợi tối đa cho thí sinh (*Bảng quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại Phụ lục 3 của Thông báo*);

- Kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Tốt;

- Kết quả rèn luyện 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Khá trở lên.

6.1.2.2. Thời gian đăng ký và công bố kết quả

Thời gian đăng ký: Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển theo 2 bước

Bước 1: Dự kiến từ ngày 09/06/2025 đến 17h00 ngày 22/06/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường;

Bước 2: Dự kiến từ 16/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lưu ý: Thí sinh phải thực hiện đầy đủ 2 bước theo yêu cầu của Trường.

Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo

dục và Đào tạo (dự kiến ngày 22/08/2025).

6.1.2.3. *Các chương trình áp dụng: Các chương trình CTTT, CLC, ĐHNN&PTQT, Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh (Xem chi tiết tại Phụ lục 2 của Thông báo).*

6.1.2.4. *Quy trình đăng ký hồ sơ xét tuyển: Xem chi tiết tại Phụ lục 1 của Thông báo.*

6.1.2.5. *Các tiêu chí đánh giá hồ sơ xét tuyển:*

* Căn cứ đánh giá hồ sơ: Xác định hồ sơ đủ điều kiện dựa trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

- Đối với các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT (trừ các chương trình CLC Ngôn ngữ thương mại):

Công thức tính điểm xét tuyển = $M1 + M2 + M3 + \text{Điểm ưu tiên giải (chỉ dành cho nhóm đối tượng thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia)} + \text{Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}$

Trong đó:

- M1 là điểm trung bình chung kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT của môn Toán
- M2 là điểm trung bình chung kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT của một trong các môn: Vật lý hoặc Hóa học hoặc Ngữ văn
- M3: là điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải HSG cấp Quốc gia môn Tiếng Anh

- Đối với Chương trình Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh (Môn Toán nhân hệ số 2)

Công thức tính điểm xét tuyển = $M1 * 2 + M2 + M3 + [\text{Điểm ưu tiên giải (chỉ dành cho nhóm đối tượng thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia)} + \text{Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}] * 4/3$

Trong đó:

- M1 là điểm trung bình chung kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT của môn Toán
- M2 là điểm trung bình chung kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT của một trong các môn: Vật lý hoặc Hóa học hoặc Ngữ văn
- M3: là điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải HSG cấp Quốc gia môn Tiếng Anh

- Đối với các chương trình CLC Ngôn ngữ thương mại (Môn ngoại ngữ nhân hệ số 2):

Công thức tính điểm xét tuyển = $M1 + M2 + M3 * 2 + [\text{Điểm ưu tiên giải (chỉ dành cho nhóm đối tượng thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia)} + \text{Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}] * 4/3$

Trong đó:

- M1, M2: là điểm trung bình chung kết quả học tập 06 học kỳ bậc THPT của môn Toán và môn Ngữ văn

- M3: là điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải HSG cấp Quốc gia môn Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp hoặc Tiếng Trung hoặc Tiếng Nhật

6.1.2.6. Điểm ưu tiên:

a, Các mức điểm ưu tiên

- Điểm ưu tiên giải:

+ Đối với nhóm đối tượng tuyển sinh: *thí sinh là học sinh tham gia/đạt giải HSG cấp Quốc gia/ KHKT cấp Quốc gia*: Các thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia các môn (Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp Quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất	cộng 3 (ba) điểm
Giải Nhì	cộng 2 (hai) điểm
Giải Ba	cộng 1,5 (một phẩy năm) điểm
Giải Khuyến khích	cộng 1 (một) điểm

Lưu ý:

- Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Thí sinh đã dùng giải Học sinh giỏi Quốc gia môn Ngoại ngữ để quy đổi điểm thì không được cộng thêm điểm ưu tiên cho giải này.

- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng chính sách: theo Quy chế tuyển sinh năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b, Cách tính điểm ưu tiên: *Xem chi tiết tại Phụ lục 4 của Thông báo.*

6.1.2.7. Cách thức đánh giá hồ sơ

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng đăng ký;

- Đối với thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển ở nhiều nhóm đối tượng xét tuyển: Khi đăng ký vào một chương trình/ngành sẽ được xét đồng thời các nhóm đối tượng xét tuyển để đảm bảo cơ hội trúng tuyển cao nhất.

6.2. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

6.2.1. Nhóm đối tượng xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Kết quả thi tốt nghiệp THPT của ba môn trong tổ hợp môn xét tuyển của Nhà trường)

6.2.1.1. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Có tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 trong tổ hợp môn xét tuyển của trường và điểm ưu tiên khu vực và đối tượng đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng của nhà trường. Trường dự kiến công bố ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng sau khi có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025;
- Đối với thí sinh là học sinh theo học chương trình THPT mới năm 2018 và tốt nghiệp THPT năm 2025: Kết quả học tập và rèn luyện 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Khá trở lên;
- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025: Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 điểm trở lên và hạnh kiểm từ Khá trở lên.

6.2.1.2. Thời gian đăng ký và công bố kết quả:

Thời gian đăng ký: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dự kiến từ ngày 16/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dự kiến ngày 22/08/2025).

6.2.1.3 Các chương trình áp dụng: Các chương trình tiêu chuẩn và ĐHNN&PTQT (Xem chi tiết tại Phụ lục 2 của Thông báo).

6.2.1.4. Quy trình đăng ký hồ sơ xét tuyển: Xem chi tiết tại Phụ lục 1 của Thông báo.

6.2.1.5. Các tiêu chí đánh giá hồ sơ xét tuyển:

* Căn cứ đánh giá hồ sơ: Xác định hồ sơ đủ điều kiện dựa trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

- Đối với các chương trình tiêu chuẩn và ĐHNN&PTQT (trừ chương trình Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh và các chương trình ngôn ngữ thương mại):

Công thức tính điểm xét tuyển = **M1 + M2 + M3 + Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)**

Trong đó:

- M1, M2, M3: là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của 03 môn trong tổ hợp môn xét tuyển của trường.

- **Đối với Chương trình Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh (Môn Toán nhân hệ số 2)**

Công thức tính điểm xét tuyển = $M1 \times 2 + M2 + M3 + [\text{Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia)} + \text{Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}] \times 4/3$

Trong đó:

- M1: Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của môn Toán

- M2, M3: Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của hai môn trong nhóm: Vật lý + Hóa Học hoặc Vật lý + Tiếng Anh hoặc Hóa học + Tiếng Anh hoặc Ngữ văn + Tiếng Anh

- **Đối với các chương trình tiêu chuẩn ngôn ngữ thương mại (Môn ngoại ngữ nhân hệ số 2):**

Công thức tính điểm xét tuyển = $M1 + M2 + M3 \times 2 + [\text{Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia)} + \text{Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}] \times 4/3$

Trong đó:

- M1, M2: là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của môn Toán và môn Ngữ văn

- M3: là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật hoặc Tiếng Trung)

6.2.1.6. Cách tính điểm ưu tiên

a, Mức điểm ưu tiên

- Điểm ưu tiên giải:

Đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia/ KHKT cấp Quốc gia: Các thí sinh đạt thêm giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia các môn (Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp Quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất	cộng 3 (ba) điểm
Giải Nhì	cộng 2 (hai) điểm
Giải Ba	cộng 1,5 (một phẩy năm) điểm
Giải Khuyến khích	cộng 1 (một) điểm

Lưu ý:

- Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Thí sinh kê khai thông tin đạt giải HSG/KHKT cấp Quốc gia tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại website: tuyensinh.ftu.edu.vn, trong thời gian từ 16/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025.

- - Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng chính sách: theo Quy chế tuyển sinh năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b, Cách tính điểm ưu tiên: Xem chi tiết tại Phụ lục 4 của Thông báo.

6.2.1.7. Cách thức đánh giá hồ sơ

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng đăng ký;

- Đối với thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển ở nhiều nhóm đối tượng xét tuyển: Khi đăng ký vào một chương trình/ngành sẽ được xét đồng thời các nhóm đối tượng xét tuyển để đảm bảo cơ hội trúng tuyển cao nhất;

- Các thí sinh sau khi trúng tuyển vào các chương trình tiêu chuẩn có nguyện vọng tham gia các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT sẽ đăng ký xét tuyển theo thông báo tuyển sinh các chương trình của Trường.

6.2.2. Nhóm đối tượng xét tuyển kết hợp giữa kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

6.2.2.1. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (không bao gồm điểm ưu tiên xét tuyển trong tuyển sinh) trong tổ hợp môn xét tuyển của trường: Toán + Vật lý hoặc Toán + Hoá học hoặc Toán + Ngữ văn đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng của Trường. Riêng đối với các chương trình CLC Ngôn ngữ thương mại chỉ xét tổ hợp có 2 môn Toán và Ngữ văn. (Trường dự kiến công bố ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025);

- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời hạn, tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển theo quy định của Nhà trường (*Ngưỡng điều kiện về chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại Phụ lục 5 của Thông báo*);

- Đối với thí sinh là học sinh theo học chương trình THPT mới năm 2018 và tốt nghiệp THPT năm 2025: Kết quả học tập và rèn luyện 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Khá trở lên;

- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025: Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 điểm trở lên và hạnh kiểm từ Khá trở lên.

6.2.2.2. Thời gian đăng ký và công bố kết quả:

Thời gian đăng ký: Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển theo 2 bước:

Bước 1: Dự kiến từ ngày 21/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường;

Bước 2: Dự kiến từ 16/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Lưu ý: Thí sinh phải thực hiện đầy đủ 2 bước theo yêu cầu của Trường.

Thời gian công bố kết quả: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dự kiến ngày 22/08/2025).

6.2.2.3 Các chương trình áp dụng:

Các chương trình CTTT, CLC, ĐHNN&PTQT, Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh (*Xem chi tiết tại Phụ lục 2 của Thông báo*).

6.2.2.4. Quy trình đăng ký hồ sơ xét tuyển: *Xem chi tiết tại Phụ lục 1 của Thông báo.*

6.2.2.5. Các tiêu chí đánh giá hồ sơ xét tuyển:

* Căn cứ đánh giá hồ sơ: Xác định hồ sơ đủ điều kiện dựa trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

- Đối với các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT (trừ các chương trình CLC ngôn ngữ thương mại):

Công thức tính điểm xét tuyển = **M1 + M2 + M3 Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)**

Trong đó:

- M1 là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của môn Toán
- M2 là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của một trong các môn: Vật lý hoặc Hóa học hoặc Ngữ văn
- M3: là điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải học sinh giỏi Quốc gia môn Tiếng Anh

*** Đối với Chương trình Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh (Môn Toán nhân hệ số 2)**

Công thức tính điểm xét tuyển = **M1*2 + M2 + M3 + [Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)]*4/3**

Trong đó:

- M1 là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của môn Toán
- M2 là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của một trong các môn: Vật lý hoặc

Hóa học hoặc Ngữ văn

- M3: là điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải học sinh giỏi Quốc gia môn Tiếng Anh

- **Đối với các chương trình CLC ngoại ngữ thương mại (Môn ngoại ngữ hệ số 2):**

Công thức tính điểm xét tuyển = (M1+M2+M3*2) + [Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)]*4/3

Trong đó:

- M1, M2: là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của môn Toán và môn Ngữ văn

- M3: là điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải học sinh giỏi Quốc gia môn Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp hoặc Tiếng Trung hoặc Tiếng Nhật

6.2.2.6. Điểm ưu tiên

a, Các mức điểm ưu tiên

- Mức điểm ưu tiên giải:

Đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia/ KHKT cấp Quốc gia: Các thí sinh đạt thêm giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia các môn (Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp Quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất	cộng 3 (ba) điểm
Giải Nhì	cộng 2 (hai) điểm
Giải Ba	cộng 1,5 (một phẩy năm) điểm
Giải Khuyến khích	cộng 1 (một) điểm

Lưu ý:

- Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Thí sinh đã dùng giải Học sinh giỏi Quốc gia môn Ngoại ngữ để quy đổi điểm thì không được cộng thêm điểm ưu tiên cho giải này.

- Thí sinh kê khai thông tin đạt giải HSG/KHKT cấp Quốc gia tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại website: tuyensinh.ftu.edu.vn, trong thời gian từ 09/06/2025 đến 17h00 ngày 22/06/2025

- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng chính sách: theo quy chế tuyển sinh năm 2025

của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b, Cách tính điểm ưu tiên: Xem chi tiết tại Phụ lục 4 của Thông báo.

6.2.2.7. Cách thức đánh giá hồ sơ

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng đăng ký;

- Đối với thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển ở nhiều nhóm đối tượng xét tuyển: Khi đăng ký vào một chương trình/ngành sẽ được xét đồng thời các nhóm đối tượng xét tuyển để đảm bảo cơ hội trúng tuyển cao nhất.

6.3. Phương thức xét tuyển sử dụng chứng chỉ đánh giá năng lực trong nước và quốc tế

6.3.1. Nhóm đối tượng xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực trong nước

6.3.1.1. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Có kết quả bài thi ĐGNL của ĐHQG Hà Nội năm 2025 đạt từ 100/150 điểm trở lên hoặc kết quả bài thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM năm 2025 đạt từ 850/1200 điểm trở lên;

Lưu ý: Riêng đối với bài thi ĐGNL của ĐHQG Hà Nội, thí sinh chọn:

• Phần 3-Khoa học: thí sinh bắt buộc chọn 02 lĩnh vực Vật lý và Hóa học, được xét tuyển vào các chương trình tiêu chuẩn, trừ các chương trình tiêu chuẩn Ngôn ngữ thương mại và các chương trình ĐHNN&PTQT;

• Phần 3-Tiếng Anh: thí sinh được xét tuyển vào tất cả các chương trình tiêu chuẩn bao gồm các chương trình tiêu chuẩn Ngôn ngữ thương mại và các chương trình ĐHNN&PTQT;

- Đối với thí sinh là học sinh theo học chương trình THPT mới năm 2018 và tốt nghiệp THPT năm 2025: Kết quả học tập và rèn luyện 06 học kỳ bậc THPT đạt mức Khá trở lên;

- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025: Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 điểm trở lên và hạnh kiểm từ Khá trở lên.

6.3.1.2 Thời gian đăng ký và công bố kết quả:

Thời gian đăng ký: Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển theo 2 bước:

Bước 1: Dự kiến từ ngày 09/06/2025 đến 22/06/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường;

Bước 2: Dự kiến từ 16/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lưu ý: thí sinh phải thực hiện đầy đủ 2 bước theo yêu cầu của Trường

Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dự kiến ngày 22/08/2025).

6.3.1.3 Các chương trình áp dụng: Các chương trình tiêu chuẩn và ĐHNN&PTQT (Xem chi tiết tại Phụ lục 2 của Thông báo).

6.3.1.4. Quy trình đăng ký hồ sơ xét tuyển: Xem chi tiết tại Phụ lục 1 của Thông báo.

6.3.1.5. Các tiêu chí đánh giá hồ sơ xét tuyển:

* Căn cứ đánh giá hồ sơ: Xác định hồ sơ đủ điều kiện dựa trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

Điểm ĐGNL của thí sinh được quy đổi về thang 30 theo công thức:

- Điểm quy đổi về thang 30 của ĐGNL ĐHQG HN = $27 + (\text{Điểm ĐGNL của thí sinh} - 100) \cdot 3/50 + \text{Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia)} + \text{Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}$

- Điểm quy đổi về thang 30 của ĐGNL ĐHQG TP.HCM = $27 + (\text{Điểm ĐGNL của thí sinh} - 850) \cdot 3/350 + \text{Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia)} + \text{Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}$

Điểm ĐGNL ĐHQG HN của thí sinh được quy đổi về thang 40 theo công thức:

- Điểm quy đổi về thang 40 của ĐGNL ĐHQG HN = $\{[27 + (\text{Điểm ĐGNL của thí sinh} - 100) \cdot 3/50] + \text{Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia)} + \text{Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}\} \cdot 4/3$

6.3.1.6. Điểm ưu tiên

a, Các mức điểm ưu tiên

- Mức điểm ưu tiên giải:

Đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia/ KHKT cấp Quốc gia: Các thí sinh đạt thêm giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia các môn (Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp Quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất	cộng 3 (ba) điểm
Giải Nhì	cộng 2 (hai) điểm
Giải Ba	cộng 1,5 (một phẩy năm) điểm
Giải Khuyến khích	cộng 1 (một) điểm

Lưu ý: Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng chính sách: theo quy chế tuyển sinh năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b, Cách tính điểm ưu tiên: Xem chi tiết tại Phụ lục 4 của Thông báo.

6.3.1.7 Cách thức đánh giá hồ sơ:

- Thí sinh xét tuyển theo phương thức này chỉ được chọn đăng ký xét tuyển tại 1 trong 2 cơ sở của trường: Cơ sở phía Bắc hoặc Cơ sở II - TP. Hồ Chí Minh;

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng đăng ký;

- Đối với thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển ở nhiều nhóm đối tượng xét tuyển: Khi đăng ký vào một chương trình/ngành sẽ được xét đồng thời các nhóm đối tượng xét tuyển để đảm bảo cơ hội trúng tuyển cao nhất;

- Các thí sinh sau khi trúng tuyển vào các chương trình tiêu chuẩn có nguyện vọng tham gia các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT sẽ đăng ký xét tuyển theo thông báo tuyển sinh các chương trình của Trường.

6.3.2 Nhóm đối tượng xét tuyển sử dụng chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế kết hợp với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

6.3.2.1 Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Có chứng chỉ SAT từ 1380 điểm trở lên, hoặc chứng chỉ ACT từ 30 điểm trở lên, hoặc chứng chỉ A-Level với điểm môn Toán (Mathematics) đạt từ điểm A trở lên (Các chứng chỉ được cấp trong thời gian 03 năm tính từ ngày dự thi đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển);

- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời hạn, tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển theo quy định của Nhà trường (*Ngưỡng điều kiện về chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem chi tiết tại Phụ lục 5 của Thông báo*);

- Đối với thí sinh là học sinh theo học chương trình THPT mới năm 2018 và tốt

ng nghiệp THPT năm 2025: Kết quả học tập và rèn luyện THPT 06 học kỳ bậc THPT ở mức Khá trở lên;

- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025: Có điểm trung bình chung học tập từng năm học lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 điểm trở lên và hạnh kiểm từ Khá trở lên.

6.3.2.2. Thời gian đăng ký và công bố kết quả

Thời gian đăng ký: Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển theo 2 bước

Bước 1: Dự kiến từ ngày 09/06/2025 đến 17h00 ngày 22/06/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường;

Bước 2: Dự kiến từ 16/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lưu ý: Thí sinh phải thực hiện đầy đủ 2 bước theo yêu cầu của Trường

Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dự kiến ngày 22/08/2025).

6.3.2.3 Các chương trình áp dụng: Các chương trình CTĐT, CLC, ĐHNN&PTQT, Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh (Xem chi tiết tại Phụ lục 2 của Thông báo).

6.3.2.4. Quy trình đăng ký hồ sơ xét tuyển: Xem chi tiết tại Phụ lục 1 của Thông báo.

6.3.2.5. Các tiêu chí đánh giá hồ sơ xét tuyển:

* Căn cứ đánh giá hồ sơ: Xác định hồ sơ đủ điều kiện dựa trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu và điểm xét tuyển. Điểm xét tuyển được xác định làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cụ thể như sau:

- **Đối với các chương trình CTĐT, CLC và ĐHNN&PTQT (trừ các chương trình CLC ngôn ngữ thương mại) (thang điểm 30):**

Điểm xét tuyển kết hợp SAT/ACT = M1 + M3 + Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)

Điểm xét tuyển kết hợp A-Level = MA1 + M2 + M3 + Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)

Trong đó:

- M1: là điểm quy đổi kết quả chứng chỉ SAT, chứng chỉ ACT (thang 20 điểm)
- MA1: là điểm môn Toán (Mathematics) trong chứng chỉ A-Level (thang 10 điểm);
- M2: là điểm quy đổi kết quả điểm môn bất kỳ khác môn Toán (Mathematics) trong chứng chỉ A-Level nếu thí sinh sử dụng chứng chỉ A-level để xét tuyển;
- M3: là điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải học sinh

giỏi Quốc gia môn Tiếng Anh;

- Đối với Chương trình Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh (thang điểm 40):

Điểm xét tuyển kết hợp SAT/ACT = $[(M1 + M3 + \text{Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)})] \times 4/3$

Điểm xét tuyển A-Level = $MA1 \times 2 + M2 + M3 + [\text{Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}] \times 4/3$

Trong đó:

- M1: là điểm quy đổi kết quả chứng chỉ SAT, chứng chỉ ACT (thang 20 điểm)
- MA1: là điểm môn Toán (Mathematics) trong chứng chỉ A-Level (thang 10 điểm);
- M2: là điểm quy đổi kết quả điểm môn bất kỳ khác môn Toán (Mathematics) trong chứng chỉ A-Level nếu thí sinh sử dụng chứng chỉ A-level để xét tuyển;
- M3: là điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải học sinh giỏi Quốc gia môn Tiếng Anh;

- Đối với các chương trình CLC Ngôn ngữ thương mại (Môn ngoại ngữ hệ số 2)(thang điểm 40):

Điểm xét tuyển SAT/ACT = $M1 + M3 \times 2 + [\text{Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}] \times 4/3$

Điểm xét tuyển A-Level = $MA1 + M2 + M3 \times 2 + [\text{Điểm ưu tiên giải (đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia hoặc giải KHKT cấp Quốc gia) + Điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và khu vực (nếu có)}] \times 4/3$

Trong đó:

- M1: là điểm quy đổi kết quả chứng chỉ SAT, chứng chỉ ACT (thang 20 điểm)
- MA1: là điểm môn Toán (Mathematics) trong chứng chỉ A-Level (thang 10 điểm);
- M2: là điểm quy đổi kết quả điểm môn bất kỳ khác môn Toán (Mathematics) trong chứng chỉ A-Level nếu thí sinh sử dụng chứng chỉ A-level để xét tuyển;
- M3: là điểm quy đổi Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế hoặc quy đổi giải học sinh giỏi Quốc gia môn Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp hoặc Tiếng Trung hoặc Tiếng Nhật.

6.3.2.6. Cách tính điểm ưu tiên:

a, Các mức điểm ưu tiên

- Mức điểm ưu tiên giải:

Đối với thí sinh đạt giải HSG cấp Quốc gia/ KHKT cấp Quốc gia: Các thí sinh đạt thêm giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia các môn (Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật) hoặc cuộc thi KHKT cấp Quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp môn xét tuyển của Trường được cộng điểm cụ thể như sau:

Giải Nhất	cộng 3 (ba) điểm
Giải Nhì	cộng 2 (hai) điểm
Giải Ba	cộng 1,5 (một phẩy năm) điểm
Giải Khuyến khích	cộng 1 (một) điểm

Lưu ý:

- Các thí sinh đạt nhiều giải chỉ được cộng điểm một lần ứng với giải cao nhất đạt được.

- Thí sinh đã dùng giải Học sinh giỏi Quốc gia môn Ngoại ngữ để quy đổi điểm thì không được cộng thêm điểm ưu tiên cho giải này.

- Mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng chính sách: theo quy chế tuyển sinh năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b, Cách tính điểm ưu tiên: Xem chi tiết tại Phụ lục 4 của Thông báo.

6.3.2.7. Cách thức đăng ký và đánh giá hồ sơ:

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất) trên Cổng thông tin tuyển sinh của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Không giới hạn số lượng nguyện vọng đăng ký;

- Đối với thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển ở nhiều nhóm đối tượng xét tuyển: Khi đăng ký vào một chương trình/ngành sẽ được xét đồng thời các nhóm đối tượng xét tuyển để đảm bảo cơ hội trúng tuyển cao nhất.

6.4. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định

6.4.1. Đối tượng áp dụng:

a. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

b. Thí sinh tốt nghiệp THPT đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Olympic quốc tế hoặc Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế (nội dung đề tài dự thi của thí sinh được Hội

đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp với môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của trường) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và cử tham gia với môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành đăng ký được tuyển thẳng vào ngành đăng ký. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

c. Thí sinh tốt nghiệp THPT đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và cử tham gia các môn Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung và Tiếng Nhật được tuyển thẳng vào ngành tương ứng với môn thi sinh đạt giải (Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung, Ngôn ngữ Nhật). Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

d. Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền theo quy định, không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường có điểm trung bình học tập từng năm lớp 10, 11, 12 từ 8,0 trở lên. Căn cứ vào kết quả học tập của học sinh, tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo, Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định cho vào học.

e. Thí sinh là người nước ngoài, đã tốt nghiệp THPT theo quy định, đạt yêu cầu về kiểm tra kiến thức và ngôn ngữ của từng chương trình đào tạo bằng Tiếng Việt (đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài) hoặc Tiếng Anh (theo quy định cụ thể từng chương trình của trường). Căn cứ vào hồ sơ xin học và yêu cầu của ngành đào tạo, Hội đồng tuyển sinh của Trường sẽ xem xét quyết định cho vào học

f. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ và thí sinh đã tốt nghiệp THPT có nơi thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Những thí sinh này phải đạt điều kiện về điểm trung bình chung học tập từng năm lớp 10, 11, 12 đạt từ 8,0 trở lên. Căn cứ theo điểm trung bình chung học tập của điểm tổng kết ba năm lớp 10, 11, 12, Trường sẽ xét tuyển theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Sau khi được xét trúng tuyển, thí sinh thuộc đối tượng này phải học bổ sung kiến thức 01 năm tại một trường dự bị đại học. Kết thúc đợt học, điểm tổng kết các môn học tại các trường dự bị đại học của thí sinh phải đủ điều kiện đạt từ 8,0 trở lên, Trường Đại học Ngoại thương xếp vào học cùng khóa tuyển sinh năm 2025. Chỉ tiêu dành cho đối tượng này không quá 1% tổng chỉ tiêu tuyển sinh của trường năm 2025.

6.4.2. Thời gian nộp hồ sơ tuyển thẳng và công bố kết quả:

Thời gian đăng ký: Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển theo 2 bước

Bước 1: Dự kiến từ ngày 09/06/2025 đến 17h00 ngày 22/06/2025 đăng ký trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường;

Bước 2: Dự kiến từ 16/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025 xác nhận trúng tuyển hoặc đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lưu ý: Thí sinh phải thực hiện đầy đủ 2 bước theo yêu cầu của Trường .

Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (dự kiến ngày 22/08/2025).

6.4.3. Các chương trình áp dụng:

Các chương trình tiêu chuẩn ngôn ngữ thương mại (5% chỉ tiêu của chương trình).

6.4.4. Quy trình đăng ký hồ sơ xét tuyển:

Xem chi tiết tại Phụ lục 1 của Thông báo.

6.4.5. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh thực hiện xác nhận trúng tuyển hoặc đăng ký nguyện vọng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thí sinh sau khi trúng tuyển có nguyện vọng tham gia các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT sẽ đăng ký xét tuyển theo thông báo tuyển sinh các chương trình của Trường.

6.4.6. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

a. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng của các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, e gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (theo mẫu của Trường Đại học Ngoại thương);
- Bản sao công chứng căn cước công dân;
- Bản sao công chứng hợp lệ ít nhất một trong các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng nhận đạt giải trong kỳ thi Olympic quốc tế/ cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia. Thí sinh tham dự các cuộc thi Khoa học kỹ thuật phải nộp kèm bản thuyết minh tóm tắt nội dung đề tài trên một trang A4 có xác nhận của đơn vị tổ chức thi;

+ Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia các môn Tiếng Anh, Tiếng Nhật, Tiếng Trung quốc, Tiếng Pháp;

+ Giấy chứng nhận các đối tượng tuyển thẳng khác.

b. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng của đối tượng quy định tại điểm f gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (theo mẫu của Trường Đại học Ngoại thương);
- Bản sao công chứng hợp lệ học bạ THPT;
- Bản sao công chứng hợp lệ hộ khẩu thường trú và giấy chứng nhận đối tượng

thuộc diện xét tuyển thẳng khác.

7. Chính sách ưu tiên: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển: Theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Nhà trường cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Thực hiện theo quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ban hành theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ, học phí dự kiến năm học 2025-2026 đối với các chương trình đào tạo của Trường như sau:

STT	Các chương trình	Mức học phí dự kiến năm học 2025-2026	Ghi chú
1	Chương trình tiêu chuẩn	25,5 đến 27,5 triệu đồng/năm	
2	Chương trình Khoa học máy tính và Dữ liệu trong kính tế và kinh doanh	31,5 triệu đồng/năm	Nhà trường hỗ trợ cấp học bổng cho tất cả thí sinh theo học chương trình tương đương khoảng 30% học phí trực tiếp phải nộp cho 3 khóa tuyển sinh đầu tiên (năm 2024, 2025 và 2026). Mức học phí đó được tính bằng 70% mức học phí dự kiến ban đầu là 45 triệu đồng/năm. Đặc biệt, chương trình có học bổng toàn phần cho 10% thí sinh có điểm đầu vào cao nhất.
3	Chương trình chất lượng cao	49 đến 51 triệu đồng/năm	

4	Chương trình tiên tiến Kinh tế đối ngoại, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng		73 đến 75 triệu đồng/năm	
5	Chương trình tiên tiến i- Hons hợp tác với Đại học Queensland về Kinh doanh quốc tế và Phân tích dữ liệu kinh doanh		85 triệu đồng/năm	Nhà trường hỗ trợ cấp học bổng cho tất cả thí sinh theo học chương trình tương đương khoảng 30% học phí trực tiếp phải nộp cho 3 khóa tuyển sinh đầu tiên (năm 2024, 2025 và 2026). Mức học phí đó được tính bằng 70% mức học phí dự kiến ban đầu là 120 triệu đồng/năm.
6	Các chương trình định hướng nghề nghiệp và phát triển quốc tế	Nhóm A	49 đến 51 triệu đồng/năm	Nhóm A gồm: Chương trình Logistics và quản lý chuỗi cung ứng định hướng nghề nghiệp quốc tế, Chương trình Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản, Chương trình Kế toán - Kiểm toán định hướng nghề nghiệp ACCA, Chương trình Luật kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp, Chương trình Kinh tế chính trị quốc tế.
		Nhóm B	63 đến 65 triệu đồng/năm	Nhóm B gồm: Chương trình Quản trị khách sạn, Marketing số, Kinh doanh số, Truyền thông Marketing tích hợp.

Ghi chú: Lộ trình tăng học phí trong các năm của một khóa học điều chỉnh không quá 10%

11. Các nội dung khác

- Kiểm tra phân loại năng lực ngoại ngữ đầu vào: Sau khi nhập học, Trường tổ chức một kỳ kiểm tra phân loại năng lực ngoại ngữ đầu vào để tiến hành xếp lớp theo trình độ ngoại ngữ cho sinh viên và làm cơ sở để sinh viên đăng ký vào chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT của trường.

- Đăng ký xét tuyển vào các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT: Thí sinh trúng tuyển vào các chương trình tiêu chuẩn sẽ được đăng ký xét tuyển vào chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT khi đáp ứng điều kiện về điểm sàn nhận hồ sơ xét tuyển của từng chương trình. Điểm sàn nhận hồ sơ xét tuyển và phương thức xét tuyển vào

các chương trình này sẽ được quy định cụ thể trong thông báo xét tuyển chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT năm 2025 của trường.

- Các chương trình CTTT, CLC và ĐHNN&PTQT của Nhà trường:

STT	Chương trình đào tạo	Trụ sở chính Hà Nội	Cơ sở II - TP. HCM
1	CTTT Kinh tế đối ngoại	X	Không tuyển
2	CTTT Quản trị kinh doanh	X	Không tuyển
3	CTTT Tài chính-Ngân hàng	X	Không tuyển
4	CTTT i-Hons Kinh doanh quốc tế và Phân tích dữ liệu kinh doanh	X	Không tuyển
5	CLC Kinh tế đối ngoại	X	X
6	CLC Quản trị kinh doanh	X	X
7	CLC Tài chính - Ngân hàng	X	X
8	CLC Kinh tế quốc tế	X	Không tuyển
9	CLC Kinh doanh quốc tế	X	Không tuyển
10	ĐHNNQT - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng định hướng nghề nghiệp quốc tế	X	X
11	ĐHNNQT - Kế toán - Kiểm toán định hướng nghề nghiệp ACCA	X	Không tuyển
12	ĐHNNQT - Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	X	Không tuyển
13	ĐHNNQT - Quản trị Khách sạn	X	Không tuyển
14	ĐHNNQT - Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp	X	Không tuyển
15	ĐHNNQT - Kinh doanh số	X	Không tuyển
16	ĐHNNQT - Marketing số	X	Không tuyển

17	ĐHNNQT - Truyền thông marketing tích hợp	Không tuyển	X
18	ĐHPTQT - Kinh tế chính trị quốc tế	X	Không tuyển
19	CLC Tiếng Pháp thương mại	X	Không tuyển
20	CLC Tiếng Trung thương mại	X	Không tuyển
21	CLC Tiếng Nhật thương mại	X	Không tuyển
22	CLC Tiếng Anh thương mại	X	Không tuyển

● Về miễn, giảm học phí và học bổng:

- Trường thực hiện quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với Cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập ban hành theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ; thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

- Với mục tiêu thu hút nhân tài và đảm bảo khả năng tiếp cận giáo dục đại học với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nỗ lực vươn lên trong học tập, hàng năm trường trích khoảng 37,5 tỷ đồng từ nguồn thu học phí của sinh viên chính quy, các nguồn thu khác của trường để cấp học bổng khuyến khích học tập, hỗ trợ tài chính và các hoạt động của sinh viên theo Quyết định số 99/QĐ-ĐHNT ngày 10/01/2025 về trích quỹ học bổng KKHT cho sinh viên đại học chính quy. Nhà trường có các quỹ học bổng khuyến khích học tập như sau:

- + Học bổng tài năng dành cho sinh viên thủ khoa toàn quốc và thủ khoa đầu vào;
- + Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên đạt kết quả tốt trong học tập;
- + Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên các chương trình CTĐT, CLC và ĐHNN&PTQT;
- + Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả học tập tốt;
- + Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có kết quả học tập tốt nhân dịp Tết nguyên đán;

+ Học bổng dành cho sinh viên thủ khoa tốt nghiệp;

Ngoài ra, Trường còn phối hợp với các tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước gây quỹ và trao học bổng của các tổ chức doanh nghiệp cho sinh viên có thành tích xuất sắc.

- Các hoạt động hỗ trợ sinh viên bao gồm: Hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học; Hỗ trợ ưu tiên bố trí ký túc xá và miễn giảm lệ phí ký túc xá cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ tài chính cho sinh viên trong các trường hợp khó khăn đột xuất; Hỗ trợ thường niên cho các câu lạc bộ sinh viên; Hỗ trợ chi phí hành chính cho Đoàn thanh niên; Phụ cấp cho cán bộ lớp, cán bộ Đoàn, chủ tịch câu lạc bộ sinh viên...; Hỗ trợ các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên; Hỗ trợ tiền tết Nguyên Đán cho sinh viên; Hỗ trợ công tác Hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, tư vấn việc làm cho sinh viên; Hỗ trợ chuyên môn cho các câu lạc bộ và các Hỗ trợ khác.

+ Trường có quỹ cho vay học bổng FTU-MABUCHI với định mức cho vay khoảng 15 triệu đồng/năm, lãi suất 0%, thời gian cho vay kéo dài tối đa 8 năm, dành cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để trang trải chi phí sinh hoạt và học tập.

12. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://www.ftu.edu.vn/>

12.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Trong năm 2023 và 2024, Trường Đại học Ngoại thương tuyển sinh theo phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và các phương thức xét tuyển riêng của trường, bao gồm 06 phương thức tuyển sinh:

Phương thức 1 - Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT dành cho thí sinh tham gia/đạt giải kỳ thi HSG cấp Quốc gia (hoặc cuộc thi KHKT cấp Quốc gia thuộc lĩnh vực phù hợp với tổ hợp điểm xét tuyển của trường), đạt giải HSG cấp tỉnh/thành phố lớp 11 hoặc lớp 12 và thí sinh thuộc hệ chuyên của trường THPT trọng điểm Quốc gia/THPT chuyên (theo Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên và Thông tư 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều trong Quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên): Xét tuyển căn cứ trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu của từng chương trình và điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển theo quy định cụ thể của trường.

Phương thức 2 - Phương thức xét tuyển kết hợp giữa Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và kết quả học tập THPT/chứng chỉ năng lực quốc tế dành cho thí sinh hệ chuyên và hệ không chuyên: Xét tuyển căn cứ trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu của từng chương trình và điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển theo quy định cụ thể của trường.

Phương thức 3 - Phương thức xét tuyển kết hợp giữa Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và kết quả thi tốt nghiệp THPT: Xét tuyển căn cứ trên nguyện vọng đăng ký, chỉ tiêu của từng chương trình và điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển theo quy định cụ thể của trường.

Phương thức 4 - Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức: xét tuyển theo các tổ hợp môn xét tuyển trường quy định (gồm các tổ hợp A00, A01, D01, D02, D03, D04, D06, D07).

Phương thức 5 - Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi ĐGNL năm 2024 do ĐHQG Hà Nội và ĐHQG TP.HCM tổ chức: Xét tuyển theo kết quả thi của của 02 Đại học Quốc gia trong năm tuyển sinh và theo quy định cụ thể của trường.

Phương thức 6 - Phương thức xét tuyển thẳng: Xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định riêng trường.

Phương thức xét tuyển đặc thù cho ngành Kinh tế chính trị: Năm 2023, Xét tuyển đặc thù các thí sinh được đề xuất theo công văn của UBND Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương, đảm bảo các yêu cầu về đối tượng xét tuyển của chương trình.

12.2. Điểm trúng tuyển của 02 năm gần nhất (lấy từ kết quả xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT)

Ngoài phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, trường sử dụng các phương thức tuyển sinh riêng (bao gồm xét kết quả học tập THPT cho đối tượng thi học sinh giỏi Quốc gia, học sinh giỏi tỉnh/thành phố và hệ chuyên; kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với kết quả học tập THPT/chứng chỉ năng lực quốc tế; kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với Kết quả thi tốt nghiệp THPT), trước khi xét tuyển dựa theo theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể:

Năm 2024, số sinh viên trúng tuyển các phương thức xét tuyển riêng: 2562 thí sinh tại Trụ sở chính Hà Nội và 881 thí sinh tại Cơ sở II - TP.HCM.

Stt	Ngành	Mã xét tuyển	Phương thức 1 (HSG QG. Tỉnh/Thành phố và Hệ chuyên)				Phương thức 2 (Chứng chỉ NNQT+ Học bạ/SAT/ ACT/ A level)			Phương thức 3 (chứng chỉ NNQT và kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024)	Phương thức 4 (kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024)*	Phương thức 5 (Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG)
			Tham gia/giải HSG Quốc gia	Giải HSG Tỉnh/TP		Hệ chuyên	Hệ chuyên	Hệ không chuyên	Chứng chỉ SAT. ACT. A-Level			
				Ngưỡng điểm trúng tuyển có điều kiện (A)	Ngưỡng điểm trúng tuyển có điều kiện quy về thang 30 (B)							
	A. TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI											
1	Ngành Khoa học máy tính											
	Chương trình Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh	KHMH2.1	28.5	30.3	28.41	28.7	27.8	28.5	29.5	26.33	27.2	

2	Ngành Kinh tế											
2.1	Chương trình tiên tiến Kinh tế đối ngoại	KTEH4.1					28.3	28.8	29.5	28.25	28	
2.2	Chương trình CLC Kinh tế đối ngoại	KTEH2.1					27.6	28.6	29	28.1		
2.3	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế đối ngoại	KTEH1.1	28.9	30.3	28.41	28.5						27.8
2.4	Chương trình tiêu chuẩn Thương mại quốc tế	KTEH1.2	28.9	30.3	28.41	28.5						27.8
3	Ngành Kinh tế quốc tế											
3.1	Chương trình CLC Kinh tế quốc tế	KTQH2.1					27.5	28.4	28.5	27	28	

3.2	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế quốc tế	KTQH1.1	28.2	30.2	28.31	28.2						27.6
3.3	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế và Phát triển quốc tế	KTQH1.2	28.2	30.2	28.31	28.2						27.6
4	Ngành Kinh doanh quốc tế											
4.1	Chương trình CLC Kinh doanh quốc tế	KDQH2.1					27.6	28.5	29	28.1		
4.2	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	KDQH2.3	28	29.5	27.66	28.1	27	28.2	28.5	27	28.1	
4.3	Chương trình ĐHNNQT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	KDQH2.2	29	30.4	28.5	28.7	28	28.7	29.5	27.3		

4.4	Chương trình ĐHNQT Kinh doanh số	KDQH2.4	27	30.0	28.13	28.2	27.1	28.2	28.5	27		
4.5	Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế	KDQH1.1	29.3	30.3	28.41	28.4						28
4.6	Chương trình tiên tiến i-Hons hợp tác với Đại học Queensland về Kinh doanh quốc tế và Phân tích dữ liệu kinh doanh	KDQH4.1					27.6	28.3	29	27		
5	Ngành Quản trị kinh doanh											
5.1	Chương trình tiên tiến Quản trị kinh doanh quốc tế	QTKH4.1					26.7	28	28	26.7	28.1	

5.2	Chương trình CLC Quản trị kinh doanh quốc tế	QTKH2.1					26.6	28.1	28	26.8		
5.3	Chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh quốc tế	QTKH1.1	27.1	29.5	27.66	28.1						27.3
6	Ngành Quản trị Khách sạn											
6.1	Chương trình ĐHNNQT Quản trị khách sạn	QKSH2.1	27	29.0	27.19	28	26.5	28	28	26	28.1	

Năm 2023, số sinh viên trúng tuyển các phương thức xét tuyển riêng: 2123 thí sinh tại Trụ sở chính Hà Nội và 771 thí sinh tại Cơ sở II - TP.HCM.

STT	Ngành	Mã xét tuyển	Phương thức 1 (Học sinh giỏi Quốc gia, Tỉnh/thành phố và Hệ chuyên)			Phương thức 2 (chứng chỉ NNQT+ Kết quả học tập THPT/SAT/ ACT/A level)			Phương thức 3 (chứng chỉ NNQT và kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023)	Phương thức 5 (Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG)
			Học sinh giỏi Quốc gia	Học sinh giỏi Tỉnh/ Thành phố	Hệ chuyên n	Hệ chuyên n	Hệ không chuyên	Chứng chỉ SAT, ACT, A- Level		
				Ngưỡng điểm trúng tuyển quy về thang 30						
A. TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI										
1	Ngành Luật									
1.1	Chương trình ĐHNQT Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp	CLC14	26.5	28.2	28	27.2	28	28	26	
1.2	Chương trình tiêu chuẩn Luật thương mại quốc tế	TC7	26.5	28.2	28					27.8
2	Ngành Kinh tế									
2.1	Chương trình tiên tiến Kinh tế đối ngoại	TT1				28.8	29	30	27.1	

2.2	Chương trình CLC Kinh tế đối ngoại	CLC1				28	28.4	28.5	27	
2.3	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế đối ngoại	TC1	28.6	28.4	28.5					28.1
2.4	Chương trình tiêu chuẩn Thương mại quốc tế	TC1-1	28.6	28.4	28.5					28.1
3	Ngành Kinh tế quốc tế									
3.1	Chương trình CLC Kinh tế quốc tế	CLC2				27.5	28.3	28.5	26.7	
3.2	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế quốc tế	TC2	27.5	28.3	28.2					28
3.3	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế và Phát triển quốc tế	TC2-1	27.5	28.3	28.2					28
4	Ngành Kinh doanh quốc tế									
4.1	Chương trình CLC Kinh doanh quốc tế	CLC12				28	28.4	28.5	27	
4.2	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	CLC3	27.5	28.3	28.3	27.5	28.1	28.5	26.1	
4.3	Chương trình ĐHNNQT Logistics và Quản lý chuỗi	CLC4	30	29.1	29.2	28.2	28.8	29.5	26.3	

	cung ứng									
4.4	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh số	CLC15	27.5	28.2	28.3	27.5	28.1	28.5	26.1	
4.5	Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế	TC3	28.6	28.4	28.3					28.1
4	Ngành Quản trị kinh doanh									
4.1	Chương trình tiên tiến Quản trị kinh doanh quốc tế	TT2				27.4	28.1	28.5	26.1	
4.2	Chương trình CLC Quản trị kinh doanh quốc tế	CLC5				27.2	28	28	26	
4.3	Chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh quốc tế	TC4	26.5	28.2	28					27.8
5	Ngành Quản trị Khách sạn									
5.1	Chương trình ĐHNNQT Quản trị khách sạn	CLC13	26	28.1	27.8	27	28	27.5	26	
6	Ngành Marketing									
6.1	Chương trình ĐHNNQT Marketing số	CLC16	29.5	28.4	28.9	28.1	28.5	29	26.3	
7	Ngành Tài chính-Ngân hàng									

7.1	Chương trình tiên tiến Tài chính-Ngân hàng	TT3				27.9	28.5	29	26.1	
7.2	Chương trình CLC Ngân hàng và Tài chính quốc tế	CLC6				27.2	28	28	26	
7.3	Chương trình tiêu chuẩn Tài chính quốc tế	TC5	26.5	28	28					27.8
7.4	Chương trình tiêu chuẩn Ngân hàng	TC5-1	26.5	28	28					27.8
7.5	Chương trình tiêu chuẩn Phân tích và đầu tư tài chính	TC5-2	26.5	28	28					27.8
8	Ngành Kế toán									
8.1	Chương trình ĐHNQT Kế toán - Kiểm toán theo định hướng ACCA	CLC7	27.5	28.5	28.2	27.5	28	28	26	
8.2	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán - Kiểm toán	TC6	26.5	28.2	28.2					28
9	Ngành Ngôn ngữ Anh									
9.1	Chương trình CLC Tiếng Anh Thương mại	NN4				26.5	27.5	27	26	
9.2	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Anh Thương mại	TC8	26	26.7	27					

10	Ngành Ngôn ngữ Pháp									
10.1	Chương trình CLC Tiếng Pháp thương mại	NN1				25.5	26	27	25.9	
10.2	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Pháp thương mại	TC9	26	25.8	27					
11	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc									
11.1	Chương trình CLC Tiếng Trung thương mại	NN2				26	26.5	27	27	
11.2	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Trung Thương mại	TC10	26	26.7	27					
12	Ngành Ngôn ngữ Nhật									
12.1	Chương trình CLC Tiếng Nhật thương mại	NN3				25.5	26	27	25.6	
12.2	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Nhật thương mại	TC11	26	26.3	27					
13	Ngành Kinh tế chính trị									
13.1	Chương trình ĐHPTQT Kinh tế chính trị quốc tế	CLC18	26	27.9	27.8	26.8	27.8	27.5	26	
B. CƠ SỞ II - TP. HỒ CHÍ MINH										
1	Ngành Kinh tế									
1.1	Chương trình CLC Kinh tế đối ngoại	CLC8				27.5	28	28	27	

1.2	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế đối ngoại	TC12	27	28	28.2					28.1
2	Ngành Quản trị kinh doanh									
2.1	Chương trình CLC Quản trị kinh doanh quốc tế	CLC10				27.2	27.7	27.5	26.1	
2.2	Chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh quốc tế	TC13	26	28.2	28.1					28
3	Ngành Tài chính-Ngân hàng									
3.1	Chương trình CLC Ngân hàng và Tài chính quốc tế	CLC11				27.2	27.7	27.5	26.1	
3.2	Chương trình tiêu chuẩn Tài chính quốc tế	TC14	28.5	28.3	28.3					28
4	Ngành Kế toán									
4.1	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán -Kiểm toán	TC15	26	27.9	28					28
5	Ngành Kinh doanh quốc tế									
5.1	Chương trình ĐHNNTT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	CLC9	29.5	29.1	29.2	28.4	28.7	29	26.3	

6	Ngành Marketing									
6.1	Chương trình ĐHNQT Truyền thông Marketing tích hợp	CLC17	28.5	28.6	28.6	27.8	28.4	28	26.1	
C. CƠ SỞ QUẢNG NINH										
1	Ngành Kinh doanh quốc tế									
1.1	Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế	TC16	28.6	28.4	28.3					
2	Ngành Kế toán									
2.1	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán - Kiểm toán	TC17	26.5	28.2	28.2					

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quy trình đăng ký xét tuyển năm 2025

I. Quy trình đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường

1. Đối với các nhóm đối tượng thí sinh là học sinh tham gia/đạt giải trong Kỳ thi HSG cấp Quốc gia/Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia; học sinh hệ chuyên các môn chuyên Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật; học sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) trong kỳ thi HSG cấp tỉnh, Thành phố lớp 11 hoặc lớp 12; học sinh có chứng chỉ đánh giá năng lực trong nước và quốc tế; học sinh xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

a. Thời gian đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường: dự kiến từ ngày 09/06/2025 đến 17h00 ngày 22/06/2025.

b. Các bước thực hiện đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường:

Bước 1: Thí sinh đăng ký/tạo tài khoản trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại website <https://tuyensinh.ftu.edu.vn>.

Đối với các thí sinh đã có tài khoản, chuyển sang thực hiện Bước 2.

Bước 2: Thí sinh kê khai và tải các thông tin cá nhân và kết quả học tập THPT (file định dạng pdf) vào từng mục theo yêu cầu của hệ thống;

● Kê khai và tải lên hệ thống các minh chứng bắt buộc về thông tin cá nhân và kết quả học tập THPT của thí sinh tham gia xét tuyển:

- Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (bản công chứng);

- Học bạ THPT hoặc Xác nhận kết quả học tập 06 học kỳ năm lớp 10,11,12 (bản công chứng);

- Các giấy tờ minh chứng ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (bản công chứng, nếu có);

● Kê khai và tải lên hệ thống các minh chứng về giải HSG/giải KHKT, chứng nhận HS hệ chuyên, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc chứng chỉ ĐGNL trong nước và quốc tế của thí sinh :

Đối với thí sinh tham gia/đạt giải trong Kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia/Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia :

- Cung cấp/tải lên Quyết định hoặc Giấy chứng nhận tham gia Kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia hoặc Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (bản công chứng).

- Cung cấp/tải lên Giấy chứng nhận đạt giải trong kỳ thi HSG cấp Quốc gia hoặc cuộc thi KHKT cấp Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (bản công chứng, nếu có).

Riêng thí sinh tham gia/đạt giải Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia phải nộp thêm bản

tóm tắt mô tả đề tài có xác nhận của đơn vị tổ chức cuộc thi để Hội đồng tuyển sinh đánh giá mức độ phù hợp với các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường.

Đối với thí sinh học hệ chuyên các môn chuyên Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Nhật cần chuẩn bị:

- Cung cấp/tải lên Giấy xác nhận là học sinh hệ chuyên theo quy định của Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên và thông tư 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều trong quy chế tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên (theo mẫu của trường Đại học Ngoại thương, bản gốc) hoặc Giấy báo trúng tuyển vào hệ chuyên, trường chuyên (bản công chứng).

Đối với thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố lớp 11 hoặc lớp 12:

- Cung cấp/ tải lên Quyết định hoặc Giấy chứng nhận đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố (bản công chứng).

Đối với thí sinh có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế:

- Cung cấp/tải lên chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng với tổ hợp tham gia xét tuyển (bản công chứng)

Đối với thí sinh có chứng chỉ ĐGNL trong nước và quốc tế:

- Cung cấp/tải lên Chứng chỉ ĐGNL của ĐHQG Hà Nội hoặc ĐHQG TP. Hồ Chí Minh (bản công chứng) và Chứng chỉ năng lực quốc tế SAT, ACT (bản copy) hoặc A-Level (bản công chứng)

Đối với thí sinh xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:

- Cung cấp/tải lên Các giấy tờ theo quy định tại mục 6.4 của thông báo này.

Bước 3: Thí sinh chọn các nhóm đối tượng xét tuyển phù hợp với tiêu chí của thông báo xét tuyển. Nhà trường sẽ sử dụng dữ liệu thí sinh kê khai ở bước này để tải lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bước 4: Thí sinh đăng ký nguyện vọng vào các chương trình phù hợp với nhóm đối tượng xét tuyển.

Bước 5: Để hoàn thành việc đăng ký thông tin xét tuyển, thí sinh khóa hồ sơ trước 17h00 ngày 22/06/2025. Hệ thống sẽ gửi email xác nhận thí sinh hoàn thành quy trình đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin của Trường.

Lưu ý: Thí sinh thực hiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến, chưa cần nộp bản cứng các giấy tờ minh chứng liên quan. Trường sẽ thực hiện hậu kiểm các giấy tờ này sau khi thí sinh được xác định trúng tuyển vào trường.

Bước 6: Trường thực hiện việc kiểm tra, rà soát hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tuyến và gửi xác nhận đủ điều kiện tham gia xét tuyển qua email và tài khoản đã đăng ký của thí sinh. Dự kiến thời gian kiểm tra, rà soát hồ sơ hoàn thành trước ngày 30/06/2025.

2. Đối với nhóm đối tượng thí sinh là học sinh sử dụng kết hợp kết quả thi tốt

ng nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.

a. Thời gian đăng ký hồ sơ xét tuyển trên cổng thông tin xét tuyển của Trường: dự kiến từ ngày 21/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025.

b. Các bước thực hiện đăng ký xét tuyển:

Bước 1: Thí sinh đăng ký/tạo tài khoản trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại website <https://tuyensinh.ftu.edu.vn>.

Đối với các thí sinh đã có tài khoản, chuyển sang thực hiện Bước 2.

Bước 2: Thí sinh kê khai và tải lên các loại hồ sơ cần thiết (file định dạng pdf) theo yêu cầu trên hệ thống.

(Riêng đối với thí sinh đã tham gia đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường đợt 1 năm 2025 (từ ngày 09/06/2025 đến 17h00 ngày 22/06/2025), hệ thống sẽ tự động chuyển dữ liệu thông tin cá nhân và kết quả học tập THPT đã được kê khai trước đó, thí sinh chỉ cần kê khai các thông tin được yêu cầu khác)

- Các thông tin cá nhân: Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực (đối với thí sinh mới tạo tài khoản);

- Học bạ THPT hoặc Xác nhận kết quả học tập 06 học kỳ năm lớp 10,11,12 (bản công chứng);

- Các giấy tờ minh chứng ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (bản công chứng, nếu có);

- Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế tương ứng với tổ hợp tham gia xét tuyển (bản công chứng);

- Phiếu kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 hoặc giấy xác nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025;

- Giấy chứng nhận đạt giải trong kỳ thi HSG cấp Quốc gia hoặc cuộc thi KHKT cấp Quốc gia (bản công chứng, nếu có).

Bước 3: Thí sinh đăng ký nguyện vọng vào các chương trình phù hợp với nhóm đối tượng xét tuyển.

Bước 4: Để hoàn thành việc đăng ký thông tin xét tuyển, thí sinh khóa hồ sơ trước 17h00 ngày 28/7/2025. Hệ thống sẽ gửi email xác nhận thí sinh hoàn thành quy trình đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin của Trường.

Lưu ý: Thí sinh thực hiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến, chưa cần nộp bản cứng các giấy tờ minh chứng liên quan. Trường sẽ thực hiện hậu kiểm các giấy tờ này sau khi thí sinh được xác định trúng tuyển vào trường.

Bước 5: Trường thực hiện việc kiểm tra, rà soát hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tuyến và gửi xác nhận đủ điều kiện tham gia xét tuyển qua email và tài khoản đã đăng ký của thí sinh.

Dự kiến thời gian kiểm tra, rà soát hồ sơ hoàn thành trước ngày 25/07/2025.

3. Đối với nhóm đối tượng xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT

năm 2025 (xét tuyển 03 môn theo các tổ hợp môn xét tuyển của Nhà trường):

Thí sinh không phải đăng ký xét tuyển qua Cổng thông tin tuyển sinh của Trường. Thí sinh thực hiện quy trình đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Mục II về Quy trình đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. Quy trình đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

a. Thời gian đăng ký: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dự kiến từ ngày 16/07/2025 đến 17h00 ngày 28/07/2025 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Đối tượng đăng ký xét tuyển: tất cả các nhóm đối tượng đủ điều kiện tham gia xét tuyển (bao gồm cả các nhóm đối tượng đã đăng ký thông tin xét tuyển qua Cổng thông tin tuyển sinh của Trường)

c. Các bước thực hiện đăng ký xét tuyển:

Thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển thực hiện theo trình tự các bước trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và đào tạo, cụ thể như sau:

Bước 1: Chọn Mã trường: NTH (Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở Phía Bắc)
NTS (Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở II. TP. Hồ Chí Minh)

Bước 2: Chọn thứ tự nguyện vọng đăng ký

Bước 3: Chọn mã ngành/chương trình đăng ký xét tuyển theo nguyện vọng của thí sinh - thứ tự nguyện vọng này không bắt buộc phải giống với thứ tự thí sinh đã đăng ký tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường (mã ngành/chương trình đào tạo xem chi tiết tại Phụ lục 2 của Thông báo)

Bước 4: Sau khi tiến hành lọc ảo qua Cổng thông tin xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nếu trúng tuyển vào chương trình đã đăng ký, thí sinh tiến hành xác nhận nhập học theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bước 5: Thực hiện nhập học chính thức theo hướng dẫn tại Thông báo nhập học của Trường.

III. Một số lưu ý:

- Thí sinh thuộc từng nhóm đối tượng xét tuyển không thực hiện đầy đủ các bước ở các quy trình trên sẽ không được xác định trúng tuyển vào Trường Đại học Ngoại thương theo quy định.

- Thí sinh chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp của các thông tin cá nhân và kết quả học tập đã kê khai trên Cổng thông tin tuyển sinh của trường.

Phụ lục 2: Chỉ tiêu tuyển sinh Trường Đại học Ngoại thương năm 2025

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển	Phương thức tuyển sinh/Nhóm đối tượng tuyển sinh	Ghi chú
I. Trụ sở chính Hà Nội						
1	Ngành Luật					
1.1	LAWH2.1	Chương trình ĐHNNT Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp	60	A00; A01; D01; D07; ĐGNL trong nước (HSA và APT) và ĐGNL quốc tế (SAT, ACT, A-Level) kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường; - Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường; - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường; - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường; - Sử dụng chứng chỉ năng lực trong nước năm 2025: ĐGNL ĐHQGHN (HSA) và ĐGNL ĐHQG TP.HCM (APT); - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế	

					(SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
1.2	LAWH1.1	Chương trình tiêu chuẩn Luật thương mại quốc tế	60	A00; A01; D01; D07; ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường; - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường; - Sử dụng chứng chỉ năng lực trong nước năm 2025: ĐGNL ĐHQGHN (HSA) và ĐGNL ĐHQG TP.HCM (APT); - Tuyển thẳng theo quy định.	
2	Ngành Kinh tế					
2.1	KTEH4.1	Chương trình tiên tiến Kinh tế đối ngoại	80	A01; D01; D07; ĐGNL quốc tế (SAT, ACT, A-Level) kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế	- Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường; - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường; - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ	

					tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
2.2	KTEH2.1	Chương trình CLC Kinh tế đối ngoại	220	A01; D01; D07; ĐGNL quốc tế (SAT, ACT, A-Level) kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế	- Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường; - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường; - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
2.3	KTEH1.1	Chương trình tiêu chuẩn (Kinh tế đối ngoại; Thương mại quốc tế)	420	A00; A01; D01; D02; D03; D04; D06; D07; ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường; - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường; - Sử dụng chứng chỉ năng lực trong nước năm 2025: ĐGNL ĐHQGHN (HSA) và ĐGNL ĐHQG TP.HCM (APT); - Tuyển thẳng theo quy định.	

3	Ngành Kinh tế quốc tế					
3.1	KTQH2.1	Chương trình CLC Kinh tế quốc tế	120	A01; D01; D07; ĐGNL quốc tế (SAT, ACT, A-Level) kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế	- Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường; - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường; - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
3.2	KTQH1.1	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế quốc tế	220	A00; A01; D01; D03; D07; ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường; - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường; - Sử dụng chứng chỉ năng lực trong nước năm 2025: ĐGNL ĐHQGHN (HSA) và ĐGNL ĐHQG TP.HCM (APT); - Tuyển thẳng theo quy định.	
3.3	KTQH1.2	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế và Phát triển quốc tế				

4	Ngành Kinh doanh quốc tế					
4.1	KDQH4.1	Chương trình tiên tiến i-Hons hợp tác với Đại học Queensland về Kinh doanh quốc tế và Phân tích dữ liệu kinh doanh	50	A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
4.2	KDQH2.1	Chương trình CLC Kinh doanh quốc tế	80	A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	

4.3	KDQH2.3	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	70	A00;A01;D01;D06;D07; ĐGNL trong nước (HSA và APT) ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
4.4	KDQH2.2	Chương trình ĐHNNQT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	50	A00;A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc	

					tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
4.5	KDQH2.4	Chương trình ĐHNNQT Kinh doanh số	60	A00;A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
4.6	KDQH1.1	Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế	110	A00;A01;D01;D07;ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường	

					- Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	
5	Ngành Quản trị kinh doanh					
5.1	QTKH4.1	Chương trình tiên tiến Quản trị kinh doanh quốc tế	80	A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
5.2	QTKH2.1	Chương trình CLC Quản trị kinh doanh	120	A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT	

					năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
5.3	KDQH1.1	Chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh	140	A00;A01;D01;D07;ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	
6	Ngành Quản trị Khách sạn					
6.1	QKSH2.1	Chương trình ĐHNNQT Quản trị khách sạn	50	A00;A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường '-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường	

					-Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
7	Ngành Marketing					
7.1	MKTH2.1	Chương trình ĐHNNQT Marketing số	50	A00;A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	

8	Ngành Tài chính - Ngân hàng					
8.1	TCHH4.1	Chương trình tiên tiến Tài chính- Ngân hàng	40	A00;A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
8.2	TCHH2.1	Chương trình CLC Tài chính - Ngân hàng	120	A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
8.3	TCHH1.1	Chương trình tiêu chuẩn Tài	180	A00;A01;D01;D07;ĐGNL	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo	

		chính quốc tế; Ngân hàng; Phân tích đầu tư tài chính)		trong nước (HSA và APT)	quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	
	TCHH1.2	Chương trình tiêu chuẩn Ngân hàng				
	TCHH1.3	Chương trình tiêu chuẩn Phân tích đầu tư tài chính				
9	Ngành Kế toán					
9.1	KTKH2.1	Chương trình ĐHNNQT Kế toán - Kiểm toán theo định hướng ACCA	80	A00;A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường '-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường - Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	

9.2	KTKH1.1	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán - Kiểm toán	70	A00;A01;D01;D07;ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	
10	Ngành Ngôn ngữ Anh					
10.1	NNAH2.1	Chương trình CLC Tiếng Anh Thương mại	60	D01 (Tiếng Anh nhân đôi);ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
10.2	NNAH1.1	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Anh Thương mại	110	D01 (Tiếng Anh nhân đôi); ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	

					năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	
11	Ngành Ngôn ngữ Pháp					
11.1	NNPH2.1	Chương trình CLC Tiếng Pháp thương mại	30	D03 (Tiếng Pháp nhân đôi); ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp bằng tiếng Pháp theo quy định	-Kết hợp kết quả học tập THPT và bằng tiếng Pháp theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và bằng tiếng Pháp theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và bằng tiếng Pháp theo quy định của trường.	
11.2	NNPH1.1	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Pháp thương mại	60	D01 (Tiếng Anh nhân đôi); D03 (Tiếng Pháp nhân đôi); ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	

12	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc					
12.1	NNTH2.1	Chương trình CLC Tiếng Trung thương mại	70	D04 (Tiếng Trung nhân đôi); ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ tiếng Trung quốc tế (HSK) theo quy định	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ HSK theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ HSK theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế và chứng chỉ HKS theo quy định của trường	
12.2	NNTH1.1	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Trung Thương mại	50	D01 (Tiếng Anh nhân đôi) ;D04 (Tiếng Trung nhân đôi); ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	
13	Ngành Ngôn ngữ Nhật					
13.1	NNNH2.1	Chương trình CLC Tiếng Nhật thương mại	40	D06 (Tiếng Nhật nhân đôi); ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ tiếng	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ JLPT theo quy định của trường	

				Nhật quốc tế (JLPT) theo quy định	-Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ JLPT theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế và chứng chỉ JLPT theo quy định của trường	
13.2	NNNH1.1	Chương trình tiêu chuẩn Tiếng Nhật thương mại	80	D01(tiếng Anh nhân đôi);D06 (Tiếng Nhật nhân đôi); ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	
14	Ngành Kinh tế chính trị					
14.1	KTCH2.1	Chương trình ĐHPTQT Kinh tế chính trị quốc tế	50	A00;A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường '-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường	

					-Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường.	
15	Ngành Khoa học máy tính					
15.1	KHMH2.1	Chương trình ĐHNQT Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh	50	-A00;A01;D01;D07; ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường '-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường	

II. Cơ sở II-TP. Hồ Chí Minh					
1	Ngành Kinh tế				
1.1	KTES2.1	Chương trình CLC Kinh tế đối ngoại	220	A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường
1.2	KTES1.1	Chương trình tiêu chuẩn Kinh tế đối ngoại	300	A00;A01;D01;D07 ;ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định

2	Ngành Quản trị kinh doanh					
2.1	QTKS2.1	Chương trình CLC Quản trị kinh doanh	80	A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường	
2.2	QTKS1.1	Chương trình tiêu chuẩn Quản trị kinh doanh	60	A00;A01;D01;D07;ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	

3	Ngành Tài chính - Ngân hàng					
3.1	TCHS2.1	Chương trình CLC Ngân hàng và Tài chính quốc tế	70	A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường	
3.2	TCHS1.1	Chương trình tiêu chuẩn Tài chính quốc tế	50	A00;A01;D01;D07;ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	

4	Ngành Kế toán					
4.1	KTKS1.1	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán -Kiểm toán	70	A00;A01;D01;D07;ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	
5	Ngành Kinh doanh quốc tế					
5.1	KDQS2.1	Chương trình ĐHNNQT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	50	A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường '-Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường	

6	Ngành Marketing					
6.1	MKTS2.1	Chương trình ĐHNQT Truyền thông Marketing tích hợp	50	A01;D01;D07;ĐGNL quốc tế (SAT,ACT) kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường -Kết hợp kết quả học tập THPT và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường -Kết hợp chứng chỉ năng lực quốc tế (SAT, ACT, A-Level) và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của trường	
III. Cơ sở Quảng Ninh						
1	Ngành Kinh doanh quốc tế					
1.1	KDQQ1.1	Chương trình tiêu chuẩn Kinh doanh quốc tế	50	A00;A01;D01;D07;ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	

					năm 2025 theo quy định của trường -Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường -Tuyển thẳng theo quy định	
2	Ngành Kế toán					
2.1	KTKQ1.1	Chương trình tiêu chuẩn Kế toán - Kiểm toán	50	A00;A01;D01;D07;ĐGNL trong nước (HSA và APT)	- Sử dụng kết quả học tập THPT theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của trường - Sử dụng kết quả thi ĐGNL trong nước năm 2025 theo quy định của trường - Tuyển thẳng theo quy định	

**Phụ lục 3: Bảng quy đổi các chứng chỉ quốc tế dành cho các phương thức
xét tuyển riêng của Trường**

3.1. Bảng quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các giải HSG Quốc gia môn ngoại ngữ

Stt	Chứng chỉ	Nội dung	Mức quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ QT			
			Mức điểm 8.5	Mức điểm 9.0	Mức điểm 9.5	Mức điểm 10
1	IELTS	Điểm IELTS	6.5	7	7.5	Từ 8.0 đến 9.0
2	TOEFL iBT <i>Không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT thi Online (Home Edition)</i>	Điểm TOEFL iBT	Từ 79 đến 92	Từ 93 đến 101	Từ 102 đến 109	Từ 110 đến 120
3	Cambridge English Scale	Điểm Cambridge English Scale	Từ 180 đến 183	Từ 184 đến 191	Từ 192 đến 199	Từ 200 đến 230
4	Năng lực tiếng Nhật JLPT	Điểm Năng lực tiếng Nhật JLPT		N3 (Từ 130 điểm trở lên)	N2	N1
5	Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)	Điểm bài thi môn tiếng Nhật (bao gồm điểm của các phân môn Nghe hiểu, Đọc hiểu, Nghe đọc hiểu và Viết luận)		Từ 220 đến 269	Từ 270 đến 319	Từ 320 đến 400
6	Chứng chỉ tiếng Trung HSK (không chấp nhận chứng chỉ HSK thi trực tuyến tại nhà)	Điểm Chứng chỉ tiếng Trung HSK		HSK4 (Từ 280 điểm trở lên)	HSK5	HSK6
7	Bằng Tiếng Pháp	Bằng Tiếng Pháp		DELFB2	DALFC1	DALFC2
8	Giải HSG Quốc gia	Loại giải HSG Quốc gia		Giải Ba	Giải Nhì	Giải Nhất

3.2. Bảng quy đổi chứng chỉ quốc tế SAT hoặc ACT

STT	Điểm bài thi Chuẩn hóa năng lực quốc tế		Quy đổi điểm bài thi Chuẩn hóa năng lực quốc tế theo thang điểm 20
	ACT	SAT	
1	30	1380	18,00
2	31	1390-1420	18,25
3	32	1430-1470	18,5
4	33	1480-1490	19,00
5	34	1500-1520	19,50
6	35	1530-1540	19,75
7	36	1550-1600	20

3.3. Bảng quy đổi điểm trong chứng chỉ A-Level

STT	Điểm trên chứng chỉ A-Level	Điểm quy đổi theo thang 10
1	A*	10,00
2	A	8,50
3	B	8,00
4	C	7,50
5	D	7,00
6	E	6,50

Lưu ý: Các mức điểm quy đổi của chứng chỉ quốc tế của trường có thể điều chỉnh trên cơ sở phổ điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

Phụ lục 4: Cách tính điểm ưu tiên

Nguyên tắc cộng điểm ưu tiên:

- Tổng điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp Quốc gia không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30);
- Tổng điểm xét tuyển của thí sinh (tính cả các loại điểm ưu tiên, điểm ưu tiên khu vực, đối tượng) không vượt quá mức điểm tối đa của thang điểm xét.
- Thí sinh được cộng điểm ưu tiên dành cho HSG cấp Quốc gia hoặc Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia (nếu có) trước khi cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có).

Đối với các chương trình không có môn nhân đôi hệ số :

Trường hợp 1: Nếu thí sinh có tổng điểm của 3 môn xét tuyển sau khi cộng điểm ưu tiên dành cho học sinh đạt giải Học sinh giỏi cấp Quốc gia hoặc Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia (nếu có) đạt từ 30 điểm trở lên, thì:

- Thí sinh sẽ không được cộng thêm điểm ưu tiên khu vực hoặc đối tượng (nếu có).

Lưu ý: Điểm xét tuyển tối đa của thí sinh **không vượt quá 30 điểm** theo quy định.

Trường hợp 2: Nếu thí sinh có tổng điểm 3 môn xét tuyển sau khi cộng điểm ưu tiên dành cho giải HSG cấp Quốc gia hoặc Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia (nếu có) nhỏ hơn 30 điểm:

Điểm ưu tiên đối tượng và khu vực quy đổi được xác định: $\{[30 - (\text{tổng điểm 3 môn} + \text{điểm ưu tiên giải})]/7,5\} \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực})$

Điểm xét tuyển của thí sinh được tính như sau: Tổng điểm 3 môn + điểm ưu tiên HSG/KHKT quốc gia (nếu có) + điểm ưu tiên đối tượng và khu vực quy đổi.

Lưu ý: Điểm xét tuyển tối đa của thí sinh **không vượt quá 30 điểm** theo quy định.

Đối với các chương trình có môn nhân đôi hệ số:

Trường hợp 1: Nếu thí sinh có điểm xét tuyển (có môn nhân đôi hệ số) sau khi cộng điểm ưu tiên dành cho HSG cấp Quốc gia hoặc cuộc thi KHKT cấp Quốc gia (nếu có) đã quy đổi lớn hơn hoặc bằng 40 điểm, thì:

- Thí sinh sẽ không được cộng thêm điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (nếu có).

Lưu ý: Điểm xét tuyển tối đa của thí sinh **không vượt quá 40 điểm** theo quy định.

Trường hợp 2: Nếu thí sinh có điểm xét tuyển (có môn nhân đôi hệ số) sau khi

cộng điểm ưu tiên dành cho HSG cấp Quốc gia hoặc Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia (nếu có) đã quy đổi nhỏ hơn 40 điểm.

Điểm ưu tiên đối tượng và khu vực quy đổi = $\{[40 - (\text{tổng điểm xét tuyển thang điểm 40} + \text{điểm ưu tiên giải quy đổi-nếu có})]/10\} \times (\text{Mức điểm ưu tiên đối tượng chính sách} + \text{Mức điểm ưu tiên khu vực}) \times 4/3$

Điểm xét tuyển được tính: Tổng điểm xét tuyển thang điểm 40 + Ưu tiên giải HSG quy đổi theo quy định+ điểm ưu tiên đối tượng và khu vực quy đổi.

Lưu ý: Điểm xét tuyển tối đa của thí sinh **không vượt quá 40 điểm** theo quy định.

Phụ lục 5: Ngưỡng điều kiện đối với thí sinh xét tuyển sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

Các chương trình CTTT, CLC, ĐHNN&PTQT và CLC ngành Ngôn ngữ Anh	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Nhật	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Pháp	Chương trình CLC ngành Ngôn ngữ Trung
Thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: - Có chứng chỉ IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên; - Có chứng chỉ TOEFL iBT từ 79 điểm trở lên (không chấp nhận TOEFL iBT Home Edition); - Có chứng chỉ Cambridge của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Đại học Cambridge (Cambridge English Qualifications) đạt từ 180 điểm trở lên; - Đạt từ giải Ba HSG Quốc gia môn tiếng Anh trở lên.	Thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: - Có chứng chỉ N3 từ 130/180 điểm trở lên của kỳ thi Năng lực tiếng Nhật JLPT do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation - JF) và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Japan Educational Exchanges and Services - JEES) phối hợp tổ chức. - Điểm bài thi môn tiếng Nhật (bao gồm điểm của các phân môn Nghe hiểu, Đọc hiểu, Nghe đọc hiểu và Viết luận) trong Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) đạt từ 220 điểm trở lên. - Đạt từ giải Ba HSG quốc gia môn Tiếng Nhật trở lên.	Thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: - Bằng DELF B2 trở lên do Đại sứ quán Pháp cấp. - Đạt từ giải Ba HSG Quốc gia môn Tiếng Pháp trở lên.	Thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: - Có chứng chỉ HSK 4 từ 280/300 điểm trở lên (không chấp nhận chứng chỉ HSK thi trực tuyến tại nhà) do Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (CLEC) cấp. - Đạt từ giải Ba HSG Quốc gia môn Tiếng Trung trở lên.